

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HSST

Ngày 15-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Phi Long

2/ Bà Lương Thị Kim Anh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa có bà: Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Cán bộ
Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thanh Thúy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/TLST-HS
ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần M**; Sinh năm 1966 tại: Điện Bàn, Quảng Nam; nơi cư trú:
khối phố N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt
Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; giới tính: nam; Đảng phái: Đảng viên Đảng
Cộng sản Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: cán bộ địa chính; con
ông: Trần Đ (chết) và bà: Lê Thị Đ1 (chết); bị cáo vợ: Nguyễn Thị Ngọc A1 (sinh
năm 1974) và hai con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 1999;
Tiền án, Tiền sự: không

Bị bắt tạm giữ ngày 01/12/2020, có mặt tại phiên tòa.

+ ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1977; địa chỉ: Khối G, phường Điện N, thị xã
Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

2. Ông Giang C, sinh năm: 1966; địa chỉ: Khối G, phường Điện N, thị xã
Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

3. Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm: 1979; địa chỉ: Khối V, phường Điện N,
thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Q, sinh năm: 1976; địa chỉ: Khối V, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
5. Ông Đoàn Văn N, sinh năm: 1990; nơi ĐKKHKT: Tổ 30, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; nơi ở hiện nay: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
6. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1988; nơi ĐKKHKT: Tổ 30, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; nơi ở hiện nay: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
7. Bà Nông Thị H, sinh năm: 1976; địa chỉ: Khối N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
8. Ông Dương Đông T1, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã Quế M, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
9. Ông Lê Ngọc C1, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn T, xã Đại C, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
10. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1991; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
11. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm: 1992; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
12. Bà Phan Thị T1, sinh năm: 1964; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
13. Ông Nguyễn M2, sinh năm: 1952; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
14. Ông Đặng Ngọc B, sinh năm: 1957; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
15. Ông Huỳnh Văn H3, sinh năm: 1954; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
16. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1986; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
17. Ông Lê H4, sinh năm: 1972; địa chỉ: Khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
18. Ông Phan Văn H5, sinh năm: 1966; địa chỉ: Khối V, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
19. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1975; địa chỉ: Khối N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
20. Ông Huỳnh Văn H6, sinh năm: 1983; địa chỉ: Khối N, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).
21. Bà Huỳnh Thị Hồng H7, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khối N G, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

22. Ông Đàm Huỳnh Thanh N1, sinh năm: 1995; địa chỉ: Khối N G, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

23. Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm: 1985; địa chỉ: Khối Tứ H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

24. Bà Võ Thị T3, sinh năm: 1981; địa chỉ: Khối Tứ C, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

25. Bà Nguyễn Thị Huyền T4, sinh năm: 1987; địa chỉ: Khối Tứ C, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

26. Bà Ngô Thị Thu T5, sinh năm: 1977; địa chỉ: Khối G, phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

27. Ủy ban nhân dân phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Phường Điện N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quang Quốc H, chức vụ: Chủ tịch UBND phường (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, UBND thị xã Điện Bàn có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho những hộ dân đủ điều kiện trên địa bàn thị xã. Qua rà soát tại địa phương, Trần M là cán bộ Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phường Điện N, thị xã Điện Bàn biết việc hộ bà Võ Thị Đ có thửa đất Số 216, Tờ bản đồ Số 3 tại khối phố H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trần M đã chủ động liên lạc với bà Đ gợi ý việc nhận làm thủ tục để vợ chồng bà Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên với chi phí vài trăm triệu. Lúc đầu bà Đ chần chừ vì không đủ tiền nhưng Trần M nói nếu hết đợt sẽ không làm được và sẽ tính bớt cho bà Đ. Bà Đ đồng ý và giao 01 Giấy CMND mang tên Võ Thị Đ, 01 Giấy CMND mang tên Giang C (chồng bà Đ), 01 Sổ hộ khẩu gia đình, 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (toàn bộ là bản gốc) cho Trần M. Sau khi nhận các giấy tờ thì Trần M yêu cầu bà Đ đưa số tiền 100.000.000đ. Bà Đ gộp và giao tiền cho Trần M tại quán cà phê.

Sau khi đo đạc ban đầu thì Trần M thấy thửa đất rộng, lại có hai căn nhà trên đất nên đề nghị bà Đ tìm thêm người đứng tên chung. Bà Đ nhờ cháu là bà Đặng Thị Thanh T đứng tên và đưa các giấy tờ liên quan của vợ chồng bà T cho Trần M.

Sau khi nhận được các giấy tờ liên quan, Trần M tiến hành xây dựng hồ sơ, thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trần M tự ý ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ bà Đ và hộ bà T thành khối phố H, phường Điện N, thị

xã Điện Bàn. Quá trình thực hiện, Trần M không tiến hành niêm yết công khai, không tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư mà tự xây dựng các biên bản rồi đưa lại cho bà Đ đem cho những người liên quan ký tên rồi giao lại cho Trần M.

Do hộ bà Đ và hộ bà T đều không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối H, phường Điện N, thị xã Điện Bàn nên Trần M giao lại CMND và Sổ hộ khẩu và nói bà Đ cắt chữ “H” dán đè lên chữ “Giang Tắc” trên các giấy tờ rồi phô tô để thay đổi nơi cư trú. Bà Đ đã thực hiện việc cắt, dán, phô tô các giấy tờ trên rồi giao lại cho Trần M. Khi nhận được các giấy tờ đã được chỉnh sửa, Trần M đem toàn bộ đi đóng dấu chứng thực tại bộ phận Tư pháp của UBND phường Điện N, thị xã Điện Bàn, sau đó nhờ bà Nguyễn Thị Sáu là Phó Chủ tịch UBND phường Điện N, thị xã Điện Bàn ký chứng thực các giấy tờ gồm CMND của ông Giang C, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Q, bà Đặng Thị Thanh T, 02 Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng bà Đ, vợ chồng bà T, 02 Sổ hộ khẩu của gia đình bà Đ, gia đình bà T. Bà S không kiểm tra và đối chiếu bản gốc mà ký chứng thực các giấy tờ trên.

Trần M trình các hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông Phan Văn Huyền - Chủ tịch UBND phường Điện N ký xác nhận rồi giao lại cho bà Đ tự nộp vào bộ phận một cửa của UBND thị xã Điện Bàn. Sau đó Trần M liên hệ yêu cầu bà Đ giao tiếp cho mình 100.000.000đ. Bà Đ đồng ý, gấp và giao tiền cho Trần M tại quán cà phê.

Một thời gian sau do chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Đ nhiều lần hối thúc nên Trần M trả lại cho bà Đ 100 triệu đồng và tiếp tục giới thiệu bà Đ với Dương Đông T1. Tỉnh nhận tiếp tục làm hồ sơ để bà Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khi nộp thuế với số tiền 200 triệu đồng. Bà Đ đồng ý và giao trước cho Tỉnh 150.000.000đ.

Qua thẩm tra hồ sơ của bà Võ Thị Đ, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Điện Bàn phát hiện một số thiếu sót nên đã đề nghị rút hồ sơ để chỉnh sửa nhưng UBND phường Điện N không đồng ý. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chuyển hồ sơ cho UBND thị xã giao Thanh tra thị xã xử lý. Ngày 14/02/2020, Thanh tra thị xã Điện Bàn tiến hành thanh tra việc lập hồ sơ thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với 04 hộ dân tại phường Điện N. Kết luận thanh tra chỉ ra những sai phạm của Trần M và nhận thấy có dấu hiệu tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nên đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Điện Bàn để tiến hành điều tra làm rõ.

Tại Bản cáo trạng số: 123/CT-VKS, ngày 30/11/2021, VKSND thị xã Điện Bàn đã truy tố bị cáo Trần M về tội : “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Điện Bàn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần M phạm tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành

công vụ”. Đề nghị áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 356; điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 BLHS; đề nghị mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam, đề nghị trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Về vật chứng: đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 CPU máy tính màu đen, hiệu Segotep đã qua sử dụng; đề nghị tiếp tục lưu trữ trong USB hiệu Kingston dung lượng 8gb và 04 bản phô tô hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 04 hộ lần lượt là hộ ông Giang C, hộ bà Đặng Thị Thanh T, hộ ông Nguyễn Văn Đ1, hộ bà Nguyễn Thị M1 cùng hồ sơ vụ án; đề nghị trả cho bà Đ số tiền 100.000.000đ mà bị cáo Mười đã nộp tại Công an.

Bị cáo Trần M nói lời nói sau cùng: mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Điện Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Bản thân bị cáo là cán bộ Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường phường Điện N, thị xã Điện Bàn, trong năm 2020, Trần M đã dựa vào chức vụ, quyền hạn được giao cố tình làm trái quy định của pháp luật, tham mưu trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất không đủ điều kiện để cấp, gây thiệt hại cho bà Võ Thị Đ số tiền 200.000.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn không đúng quy định của bị cáo nhằm mục đích vụ lợi số tiền 200.000.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” với tình tiết định khung hình phạt “Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000đ đến dưới 1.000.000.000đ” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS.

Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Trần M phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 356 BLHS.

[3] Đánh giá, tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ nhằm mục đích vụ lợi của bị cáo đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nhà nước, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho công dân và lợi ích của xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái phép, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng nhằm mục đích răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi vụ án phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, cha mẹ bị cáo là người có công cách mạng được tặng thưởng các danh hiệu cao quý. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. HĐXX xem xét các tình tiết này khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên HĐXX thống nhất áp dụng Điều 54 BLHS để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, tuy nhiên hành vi của bị cáo nghiêm trọng nên cần xử mức hình phạt tù giam mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo.

- Đối với bà Võ Thị Đ có hành vi sửa chữa giấy tờ nhằm mục đích làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, liên quan đến thủ tục hành chính: vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 24 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 của Chính phủ. Tuy nhiên đến thời điểm bị phát hiện đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý.

- Đối với bà Nguyễn Thị S là Phó chủ tịch UBND phường Điện N đã ký các giấy tờ chứng thực không qua bộ phận tư pháp, hộ tịch kiểm tra dẫn tới việc ký chứng thực sai: vi phạm quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. Bà Nguyễn Thị S đã bị xử lý theo Quyết định số 10298/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND thị xã Điện Bàn.

- Đối với ông Phan Văn H5 là Chủ tịch UBND phường Điện N là người ký xác nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị Đ và Đặng Thị Thanh T không đúng thực tế nhưng không có động cơ vụ lợi và chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng nên không có dấu hiệu tội phạm.

- Đối với ông Giang C, bà Đặng Thị Thanh T, ông Nguyễn Q: đã ký vào các giấy tờ để làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Thửa đất

số 216, Tờ bản đồ số 03 tại khối phố H khi được bà Đ nhờ nhưng chưa gây hậu quả nên không xử lý.

- Đối với bà Phan Thị T1 (khối trưởng khối phố H) và các ông Nguyễn M2, ông Đặng Ngọc B (người dân khối phố H) đã ký xác nhận cho hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ Võ Thị Đ và hộ Đặng Thị Thanh T khi chưa tiến hành tổ chức niêm yết công khai hồ sơ và tổ chức lấy ý kiến khu dân cư tại khối phố H. Tuy nhiên hành vi của những người này không có động cơ vụ lợi nên không xử lý.

- Đối với Dương Đông T1: Tịnh nhận tiền của bà Đ để làm các thủ tục giấy tờ thông qua hợp đồng, hiện nay bà Đ không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với hành vi thông đồng với Trần M nhận tiền của các hộ dân để thực hiện các thủ tục về đất đai: Cơ quan điều tra đã tách ra để thụ lý giải quyết riêng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nhận của bà Võ Thị Đ số tiền 200.000.000đ để thực hiện hành vi phạm tội. Bà Đ không biết bị cáo nhận tiền để sửa chữa hồ sơ nên buộc bị cáo phải trả lại cho bà Đ số tiền này. Bị cáo đã trả 100.000.000đ nên buộc bị cáo tiếp tục trả số tiền còn lại 100.000.000đ cho bà Võ Thị Đ

[5] Về xử lý vật chứng: số tiền 100.000.000đ mà bị cáo nhận của bà Đ còn lại: hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3949.0.9043500.00000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Điện Bàn mở tại Kho bạc nhà nước thị xã Điện Bàn cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 CPU máy tính màu đen, hiệu Segotep đã qua sử dụng bị cáo sử dụng để lưu 14 tệp tin chứa hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mười hộ dân gồm: hộ Giang C, hộ Đặng Thị Thanh T, hộ Nguyễn Văn Đ1, hộ Nguyễn Thị M1, hộ Đặng Thái, hộ Huỳnh Văn Thu, hộ Phan Thị C, hộ Phan Phước A2, hộ Phan Thị Nga, hộ Phạm Văn Trường có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

Đối với 01 USB hiệu Kingston dung lượng 8gb và 04 bản phô tô hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 04 hộ lần lượt là hộ ông Giang C, hộ bà Đặng Thị Thanh T, hộ ông Nguyễn Văn Đ1, hộ bà Nguyễn Thị M1 là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần M phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 356, Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần M** 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 01/12/2020)

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 589 BLDS

Buộc bị cáo Trần M có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Đ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS 2015

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ của Trần M tài khoản số 3949.0.9043500.00000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Điện Bàn mở tại Kho bạc nhà nước thị xã Điện Bàn để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục lưu giữ 01 USB hiệu Kingston dung lượng 8gb và 04 bản phô tô hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho 04 hộ lần lượt là hộ ông Giang C, hộ bà Đặng Thị Thanh T, hộ ông Nguyễn Văn Đ1, hộ bà Nguyễn Thị M1 (vật chứng lưu cùng hồ sơ vụ án)

Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 CPU máy tính màu đen, hiệu Segotep đã qua sử dụng.

(Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 01/12/2021 giữa Công an thị xã Điện Bàn và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn).

Về án phí: Áp dụng điều 135, 136 BLTTHS 2015 và Luật phí, lệ phí.

Bị cáo Trần M phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân